**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KỲ II – MÔN LỊCH SỬ 11**

**BÀI 9: CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ**

**1. Bối cảnh lịch sử**

- Cuối thế kỉ XIV, Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng:

+ Chính trị: bất ổn.

+ Kinh tế: sản xuất trì trệ.

+ Xã hội: nông dân nổi dậy khởi nghĩa ở nhiều nơi.

- Đối ngoại:

+ Chiến tranh giữa Chăm pa và Đại Việt kéo dài gây tổn thất nặng nề.

+ Ở phía Bắc, nhà Minh đe dọa xâm lược.

=> Yêu cầu đặt ra là phải thực hiện cải cách để giải quyết khủng hoảng kinh tế - xã hội, xây dựng và củng cố đất nước về mọi mặt.

**2. Nội dung**

**3. Kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly**

- Đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

- Tiềm lực quốc phòng được nâng cao.

- Xóa bỏ kinh tế điền trang của quý tộc nhà Trần, nông dân có thêm ruộng đất để sản xuất, thuế khóa nhẹ hơn.

- Ổn định tình hình xã hội.

- Văn hóa dân tộc, nhất là chữ Nôm được đề cao.

- Giáo dục mở rộng cho nhiều đối tượng và mang tính thực tiễn.

**4. Ý nghĩa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly**

- *Điểm tiến bộ:* mang tính dân tộc, có ý nghĩa trong việc bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực của đất nước để chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

*- Hạn chế:* Cải cách chưa triệt để, chưa phù hợp với thực tế, chưa giải quyết được những yêu cầu bức thiết cuộc sống của đông đảo nhân dân, không hợp với lòng dân.

*=> Triều Hồ sụp đổ khi nhà Minh tiến hành xâm lược vào năm 1407.*

**BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)**

**1. Bối cảnh lịch sử**

- Đến giữa thế kỉ XV, tình hình kinh tế - xã hội Đại Việt đã phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân ổn định.

- Tuy nhiên, tình trạng phân tán, bè phái của bộ máy chính quyền, hệ thống hành chính hoạt động thiếu hiệu quả gây nhiều khó khăn cho chính quyền trung ương.

=> Yêu cầu khách quan đặt ra cho nhà Lê sơ là phải cải cách chính trị từ trung ương đến địa phương, phát triển kinh tế nông nghiệp, sửa sang phong tục nhằm tăng cường quyền lực của nhà vua và nâng cao vị thế đất nước.

**2. Nội dung**

**a. Về chính trị và hành chánh**

- Ở Trung ương:

+ Bãi bỏ chức tể tướng và một số chức danh đại thần.

+ Quý tộc tôn thất không được phép lập phủ đệ và quân đội riêng.

+ Đứng đầu nhà nước là vua, giúp việc cho vua có sáu bộ, ngoài ra còn có 6 tự và 6 khoa để hỗ trợ và giám sát sáu bộ.

- Ở địa phương:

+ Cả nước chia thành 12 đạo thừa tuyên. Đứng đầu là các Tuyên phủ sứ.

+ Hệ thống cơ quan chuyên trách gồm: Thừa ty (dân sự), Đô ty (quân sự), Hiến ty (tư pháp).

+ Thăng Long thuộc đơn vị hành chánh đặc biệt gọi là phủ Trung Đô (phủ Phụng Thiên).

- 1490, bản đồ Đại Việt được hoàn thành (Hồng Đức bản đồ sách).

**b. Quân sự**

- Chia làm hai loại: quân thường trực bảo vệ kinh thành (cấm binh) và quân các đạo (ngoại binh) đóng ở địa phương.

- Thường xuyên cho tập trận và thi võ để tuyển tướng sĩ.

**c. Kinh tế**

- Năm 1477, Vua Lê Thánh Tông ban hành chính sách lộc điền và quân điền.

- Thuế khóa được quy định theo hạng.

- Nhà nước đặt Hà đê quan, khuyến nông quan, đồn điền quan để khuyến khích nông nghiệp.

**d. Về pháp luật**

- Năm 1483, Vua Lê Thánh Tông ban hành bộ Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức) gồm 722 điều với quy định những vấn đề về hình sự, dân sự, đất đai, hôn nhân, gia đình, tố tụng.

**e. Về văn hóa – giáo dục**

- Nho giáo được đặt làm hệ tư tưởng chính thống.

- Giáo dục, khoa cử được chú trọng:

+ Trùng tu và mở rộng Quốc Tử Giám, Nhà Thái học, trường học công.

+ Tổ chức thi Hương, thi Hội quy củ.

+ Năm 1484, dựng bia Tiến sĩ.

**3. Kết quả**

- Cải cách dưới triều vua Lê Thánh Tông là cuộc cải cách khá toàn diện, trọng tâm là cải cách hành chính.

- Đã xây dựng được hệ thống hành chính thống nhất, tinh gọn, phân cấp, phân nhiệm minh bạch có sự giám sát lẫn nhau, tập trung quyền lực của chính quyền trung ương và nhà vua.

- Các hoạt động quân sự, kinh tế, pháp luật, văn hóa, giáo dục đều đạt được tiến bộ hơn hẳn so với thời kì trước.

**4. Ý nghĩa**

- Tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, chính quyền quân chủ chuyên chế thời Lê Sơ đạt đỉnh cao.

- Ổn định chính trị để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Đại Việt thế kỉ XV.

- Mô hình quân chủ thời Lê sơ trở thành khuôn mẫu của nhà nước phong kiến Việt Nam (XVI – cuối XVIII).

**BÀI 11: CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)**

**1. Bối cảnh lịch sử**

- Dưới thời vua Gia Long, bộ máy nhà nước phong kiến đã được kiện toàn một bước nhưng vẫn còn hạn chế và thiếu tính thống nhất.

- Xuất hiện tình trạng lạm quyền của quan lại địa phương.

- Mâu thuẫn xã hội gay gắt, bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và các dân tộc ít người.

=> Yêu cầu khách quan: Cần phải kiện toàn bộ máy chính quyền cả nước, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng, an ninh.

**2. Nội dung**

**3. Kết quả**

- Cải cách dưới triều vua Minh Mạng là cuộc cải cách khá toàn diện trên các lĩ`nh vực hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục.

- Tăng cường tính thống nhất quốc gia, củng cố quyền lực của hoàng đế, tính hiệu quả bộ máy.

**4. Ý nghĩa**

- Tác động tích cực đến sự ổn định của Đại Nam.

- Để lại bài học kinh nghiệm cho cải cách hành chánh Việt Nam.

**BÀI 12: VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG**

**1. Vị trí của biển Đông**

**2. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông**

**a) Tuyến đường giao thông biển huyết mạch**

- Biển Đông là cầu nối” giữa hai đại dương Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Các tuyến hàng hải quốc tế huyết mạch. Đông Nam Á có hơn 530 cảng biển.

- Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ hai trên thế giới.

**b) Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương**

- Biển Đông là nơi tập trung các mô hình chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa đa dạng của thế giới trên cơ sở giao thoa các nền văn hóa, văn minh nhân loại trong khu vực.

- Biển Đông từ sớm được nhiều nước trên thế giới quan tâm và trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của các nước lớn.

- Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở khu vực châu Á Thái Bình Dương có nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào tuyến đường trên biển Đông (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...).

**c) Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển**

- Biển Đông có đa dạng các loài sinh học.

- Biển Đông là một trong 5 bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới.

- Ngoài ra, biển Đông còn chứa đựng lượng lớn tài nguyên khí đốt đóng băng ( băng cháy), là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai.

**3. Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.**

**a) Vị trí, đặc điểm của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa**

**b) Tầm quan trọng chiến lược của Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa**

**Về vị trí:** Nằm án ngữ đường hàng hải quốc tế nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương, giữa châu Âu, châu Phi, Trung Cận Đông với vùng Đông Á.

**Về kinh tế:** Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có nhiều loại hải sản quý như: hải sâm, rùa biển, tôm hùm... và các loại ốc có giá trị dinh dưỡng cao...., quần đảo Trường Sa có thế mạnh về dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản trong khu vực.

**Về quân sự:** Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược, có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại biển Đông, cũng như có vị thế phòng thủ chắc chắn thông qua sự liên kết giữa các đảo, cụm đảo, tuyến đảo ở hai quần đảo.

**TRẮC NGHIỆM**

1. Nội dung nào sau đây phản ánh sự suy yếu về chính trị của nhà Trần vào cuối thế kỉ XIV?

**A.** Chính quyền trung ương tê liệt; đất nước bị chia cắt, loạn lạc.

**B.** Nhà Trần phải thần phục, cống nạp sản vật cho Chân Lạp.

**C.** Nhà Trần bất lực trước các cuộc tấn công của Chămpa.

**D.** Nhà Minh xâm lược và áp đặt ách đô hộ lên Đại Việt.

1. Nội dung nào sau đây phản ánh sự suy yếu về chính trị của nhà Trần vào cuối thế kỉ XIV?

**A.** Nhà Trần bất lực trước các yêu sách ngang ngược của nhà Minh.

**B.** Chính quyền trung ương tê liệt; đất nước bị chia cắt, loạn lạc.

**C.** Nhà Trần phải thần phục, cống nạp sản vật cho Chân Lạp.

**D.** Nhà Minh xâm lược và áp đặt ách đô hộ lên Đại Việt.

1. Năm 1396, Hồ Quý Ly đã cho thực hiện chính sách nào dưới đây?

**A.** Ban hành tiền giấy “thông bảo hội sao”.

**B.** Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

**C.** Đặt phép hạn điền, nhằm hạn chế sở hữu ruộng tư.

**D.** Chính sách hạn nô; kiểm soát hộ tịch trên cả nước.

1. Năm 1397, Hồ Quý Ly đã cho thực hiện chính sách nào dưới đây?

**A.** Ban hành tiền giấy “thông bảo hội sao”.

**B.** Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

**C.** Đặt phép hạn điền, nhằm hạn chế sở hữu ruộng tư.

**D.** Chính sách hạn nô; kiểm soát hộ tịch trên cả nước.

1. Năm 1401, Hồ Quý Ly đã cho thực hiện chính sách nào dưới đây?

**A.** Ban hành tiền giấy “thông bảo hội sao”.

**B.** Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

**C.** Đặt phép hạn điền, nhằm hạn chế sở hữu ruộng tư.

**D.** Chính sách hạn nô; kiểm soát hộ tịch trên cả nước.

1. Năm 1402, Hồ Quý Ly đã cho thực hiện chính sách nào dưới đây?

**A.** Ban hành tiền giấy “thông bảo hội sao”.

**B.** Thống nhất đơn vị đo lường trong cả nước.

**C.** Đặt phép hạn điền, nhằm hạn chế sở hữu ruộng tư.

**D.** Chính sách hạn nô; kiểm soát hộ tịch trên cả nước.

1. Cuối năm 1397, Hồ Quý Ly ép vua Trần rời đô từ Thăng Long về

**A.** Phong Châu (Phú Thọ).**B.** Tây Đô (Thanh Hóa).**C.** Phú Xuân (Huế).**D.** Thiên Trường (Nam Định).

1. Trên lĩnh vực văn hóa, Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã

**A.** chú trọng Phật giáo, hạn chế Nho giáo. **B.** dịch sách từ chữ Nôm sang chữ Hán.

**C.** đề cao và khuyến khích dùng chữ Nôm. **D.** nâng Phật giáo lên vị trí Quốc giáo.

1. Để hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo, Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã thực hiện chính sách nào sau đây?

**A.** Đánh thuế nặng đối với những người theo đạo Phật.

**B.** Phá bỏ các đền, chùa, cơ sở thờ tự của Phật giáo.

**C.** Nghiêm cấm việc xây dựng các đền chùa mới.

**D.** Bắt sư tăng chưa đến 50 tuổi phải hoàn tục.

1. Quốc hiệu của nhà Hồ là gì?

**A.** Đại Ngu.  **B.** Văn Lang. **C.** Đại Cồ Việt. **D.** Đại Nam.

1. Năm 1460, Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh

**A.** tình hình đất nước từng bước ổn định.  **B.** nhà Lê lâm vào khủng hoảng, suy yếu.

**C.** nhà Minh đang lăm le xâm lược Đại Việt.  **D.** nhà Lê đang ở thời kì phát triển đỉnh cao.

1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình nhà Lê vào giữa thế kỉ XV?

**A.** Kinh tế - xã hội phục hồi và phát triển; đời sống nhân dân ổn định.

**B.** Tình trạng quan lại lộng quyền, tham nhũng ngày càng phổ biến.

**C.** Xuất hiện những mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.

**D.** Đại Việt phải đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Minh.

1. Bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội của Đại Việt vào giữa thế kỉ XV đã đặt ra yêu cầu tiến hành cải cách nhằm

**A.** nhanh chóng đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng.

**B.** tăng cường tiềm lực đất nước để đánh bại giặc Minh xâm lược.

**C.** tăng cường quyền lực của hoàng đế và nâng cao vị thế đất nước.

**D.** tăng cường sức mạnh để chống lại cuộc tấn công của Chăm-pa.

1. Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, cả nước Đại Việt được chia thành

**A.** 13 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô. **B.** 24 lộ, phủ, châu.

**C.** 12 lộ, phủ, châu. **D.** 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.

1. Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, bộ máy chính quyền ở mỗi đạo thừa tuyên gồm 3 ty là:

**A.** Đô ty; Thừa ty và Hiến ty. **B.** Pháp ty; Đô ty và Hiến ty.

**C.** Thừa ty; Đô ty và Pháp ty. **D.** Pháp ty, Hiến ty và Thừa ty.

1. Sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông, trong bộ máy chính quyền ở mỗi đạo thừa tuyên, Đô ty là cơ quan chuyên trách về

**A.** quân sự. **B.** dân sự. **C.** tư pháp. **D.** kinh tế.

1. Từ sau cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông, hình thức tuyển chọn nhân sự chủ yếu cho bộ máy chính quyền các cấp thời Lê sơ là

**A.** khoa cử. **B.** tiến cử. **C.** nhiệm cử. **D.** bảo cử.

1. Năm 1483, vua Lê Thánh Tông đã cho biên soạn và ban hành bộ luật nào?

**A.** Quốc triều hình luật. **B.** Luật Gia Long. **C.** Hình thư. **D.** Hoàng triều luật lệ.

1. Bộ Quốc Triều hình luật dưới thời Lê sơ còn có tên gọi khác là

**A.** Luật Gia Long. **B.** Hình thư. **C.** Hoàng Việt luật lệ. **D.** Luật Hồng Đức.

1. *“Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ?... Nếu ngươi dám đem một thước một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải chu di”.* Lời căn dặn trên vua Lê Thánh Tông phản ánh điều gì?

**A.** Quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của nhà Lê.

**B.** Chính sách ngoại giao mềm dẻo của triều Lê sơ.

**C.** Quyết tâm gìn giữ nền độc lập dân tộc của nhà Lê.

**D.** Chính sách đại đoàn kết dân tộc của nhà Lê sơ.

1. Một trong những điểm tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là: bảo vệ quyền lợi của

**A.** hoàng tộc. **B.** phụ nữ. **C.** nhà vua. **D.** địa chủ phong kiến.

1. Một trong những điểm mới của bộ Quốc triều hình luật là

**A.** gia tăng hình phạt đối với người phạm tội là trẻ nhỏ hoặc người tàn tật.

**B.** đề cao tuyệt đối địa vị của nam giới, phụ nữ không có quyền lợi gì.

**C.** bảo vệ những người yếu thế trong xã hội (phụ nữ, trẻ em, người tàn tật,…).

**D.** xóa bỏ hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc tuổi còn nhỏ.

1. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, quân đội được chia làm 2 loại là:

**A.** cấm binh và ngoại binh. **B.** quân chính quy và dân quân du kích.

**C.** hương binh và ngoại binh. **D.** quân chủ lực và dân quân du kích.

1. Từ năm 1466, hệ thống tổ chức quân đội Đại Việt được cải tổ trên quy mô lớn. Cả nước được chia thành

**A.** 4 khu vực quân sự (Tứ phủ quân). **B.** 5 khu vực quân sự (Ngũ phủ quân).

**C.** 6 khu vực quân sự (Lục phủ quân). **D.** 7 khu vực quân sự (Thất phủ quân).

1. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, chế độ ban cấp ruộng đất làm bổng lộc cho quý tộc, quan lại cao cấp từ tứ phẩm trở lên được gọi là

**A.** quân điền. **B.** lộc điền. **C.** phúc điền. **D.** thọ điền.

1. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, chế độ ban cấp ruộng đất lần lượt cho quan lại từ tam phẩm trở xuống đến tất cả các tầng lớp nhân dân được gọi là

**A.** quân điền. **B.** lộc điền. **C.** phúc điền. **D.** thọ điền.

1. Năm 1484, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia tiến sĩ ở Văn Miếu để

**A.** ghi chép lại chính sử của đất nước. **B.** quy định chế độ thi cử của nhà nước.

**C.** tôn vinh những người đỗ tiến sĩ trở lên. **D.** ca ngợi công lao của các vị vua.

1. Dưới thời Lê Thánh Tông, Nho giáo

**A.** bước đầu được du nhập vào Đại Việt.

**B.** trở thành hệ tư tưởng chính thống trong xã hội.

**C.** không có ảnh hưởng gì đến đời sống nhân dân.

**D.** bị chính quyền phong kiến kìm hãm sự phát triển.

1. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ tư tưởng giữ vai trò độc tôn, chính thống của triều đình và toàn xã hội là

**A.** Phật giáo. **B.** Đạo giáo. **C.** Nho giáo. **D.** Hồi giáo.

1. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông có ý nghĩa như thế nào?

**A.** Tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

**B.** Tăng cường tiềm lực đất nước, góp phần vào chiến thắng chống quân Minh.

**C.** Giúp Đại Việt giữ vững vị thế là cường quốc hùng mạnh nhất khu vực châu Á.

**D.** Giúp giải quyết triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội Đại Việt đương thời.

1. Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông đã

**A.** tạo cơ sở cho Vương triều Lê sơ phát triển vững mạnh, đất nước hưng thịnh.

**B.** giúp Đại Việt giữ vững vị thế là cường quốc hùng mạnh nhất khu vực châu Á.

**C.** tăng cường tiềm lực đất nước, góp phần vào chiến thắng chống quân Minh.

**D.** giúp giải quyết triệt để mọi mâu thuẫn trong xã hội Đại Việt đương thời.

1. Về cơ cấu hành chính, dưới thời vua Gia Long, đứng đầu khu vực Bắc thành và Gia Định thành là

**A.** Tổng trấn. **B.** Trấn thủ. **C.** Tuần phủ. **D.** Huyện lệnh.

1. Về cơ cấu hành chính, dưới thời vua Gia Long, nhà vua chỉ trực tiếp quản lí

**A.** Bắc thành. **B.** Gia Định thành. **C.** 4 doanh và 7 trấn. **D.** phủ Thừa Thiên.

1. Để đặt cơ sở pháp lí cho nhà nước quân chủ, năm 1815, nhà Nguyễn đã

**A.** ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ. **B.** đổi quốc hiệu thành Việt Nam.

**C.** thực hiện cải cách hành chính. **D.** thi hành chính sách cấm đạo.

1. Dưới thời vua Minh Mạng, cơ quan nào có nhiệm vụ: giúp vua khởi thảo văn bản hành chính, tiếp nhận và xử lí công văn, coi giữ ấn tín, lưu trữ châu bản?

**A.** Nội các. **B.** Đô sát viện. **C.** Cơ mật viện. **D.** Thái y viện.

1. Vua Minh Mạng cũng thực hiện chế độ giám sát, thanh tra chéo giữa các cơ quan trung ương thông qua hoạt động của

**A.** Nội các và Lục Bộ. **B.** Cơ mật viện và Lục tự.

**C.** Đô sát viện và Lục khoa. **D.** Cơ mật viện và Đô sát viện.

1. Sau cải cách của vua Minh Mạng, hệ thống hành chính của Đại Nam được phân cấp theo mô hình từ trên xuống, gồm:

**A.** tỉnh → phủ → huyện/châu → tổng → xã.

**B.** đạo thừa tuyên → phủ → châu/ huyện → xã.

**C.** xã → tổng → châu/ huyện → phủ → tỉnh.

**D.** phủ → tỉnh → huyện/ châu → hương → xã.

1. Năm 1838, vua Minh Mạng đổi tên quốc hiệu từ Việt Nam thành

**A.** Nam Việt. **B.** Đại Nam. **C.** An Nam. **D.** Đại Việt.

1. Biển Đông là biển thuộc

**A.** Thái Bình Dương. **B.** Ấn Độ Dương.

**C.** Bắc Băng Dương. **D.** Đại Tây Dương.

1. Biển Đông có diện tích khoảng

**A.** 2,5 triệu km2. **B.** 3,5 triệu km2. **C.** 4,5 triệu km2. **D.** 5,5 triệu km2.

1. Biển Đông trải dài khoảng 3000 km theo trục đông bắc - tây nam, nối liền hai đại dương là:

**A.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. **B.** Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

**C.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương. **D.** Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

1. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng đặc điểm của Biển Đông?

**A.** Nằm ở rìa tây của Thái Bình Dương.

**B.** Là vùng biển chung của 11 quốc gia Đông Nam Á.

**C.** Là “cầu nối” giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

**D.** Là biển lớn thứ tư trên thế giới với diện tích khoảng 3,5 triệu Km2.

1. Biển Đông nằm trên tuyến đường giao thông đường biển huyết mạch nối liền hai châu lục nào sau đây?

**A.** Châu Âu và châu Á. **B.** Châu Phi và châu Mĩ.

**C.** Châu Âu và châu Phi. **D.** Châu Á và châu Mĩ.

1. Trong lịch sử, Biển Đông được coi là tuyến đường thiết yếu trong giao thông, giao thương, di cư,... giữa

**A.** Nhật Bản và Triều Tiên. **B.** Trung Quốc và Ấn Độ.

**C.** Triều Tiên và Trung Quốc. **D.** Ấn Độ và Nhật Bản.

1. Tính theo tổng lượng hàng hoá thương mại vận chuyển hàng năm, hiện nay, Biển Đông giữ vị trí là tuyến hàng hải quốc tế

**A.** thứ hai thế giới. **B.** thứ ba thế giới. **C.** thứ tư thế giới. **D.** thứ năm thế giới.

1. Hiện nay, Biển Đông giữ vị trí là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp thứ hai thế giới tính theo

**A.** tổng lượng khách du lịch quốc tế hằng năm.

**B.** tổng số lượng tàu thuyền qua lại hàng năm.

**C.** tổng sản lượng dầu mỏ khai thác được hằng năm.

**D.** tổng lượng hàng hoá thương mại vận chuyển hàng năm.

1. Các quốc gia và vùng lãnh thổ ven Biển Đông là nơi

**A.** tập trung các mô hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của thế giới.

**B.** diễn ra quá trình tiến hóa từ vượn thành người sớm nhất trên thế giới.

**C.** điều tiết giao thông đường biển quan trọng nhất trên thế giới.

**D.** có vị trí trung tâm trên con đường tơ lụa trên biển.

1. Tình trạng tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông

**A.** chỉ diễn ra giữa các nước Đông Nam Á.

**B.** chưa từng xuất hiện trong lịch sử.

**C.** xuất hiện sớm và khá phức tạp.

**D.** đã được giải quyết triệt để.

1. Vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng

**A.** 3,5 triệu Km2. **B.** 2,5 triệu Km2. **C.** 1,5 triệu Km2. **D.** 1 triệu Km2.

1. Việt Nam có hai quần đảo xa bờ là:

**A.** quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

**B.** quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Nam Du.

**C.** quần đảo Thổ Chu và quần đảo Cô tô.

**D.** quần đảo Cô Tô và quần đảo Nam Du.